

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy

Ngày 31/12/2025	12,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/25	283	tỷ VNĐ
QoQ: ▼40.0 -12.5%		
YoY: ▲ 67.0 30.9%		

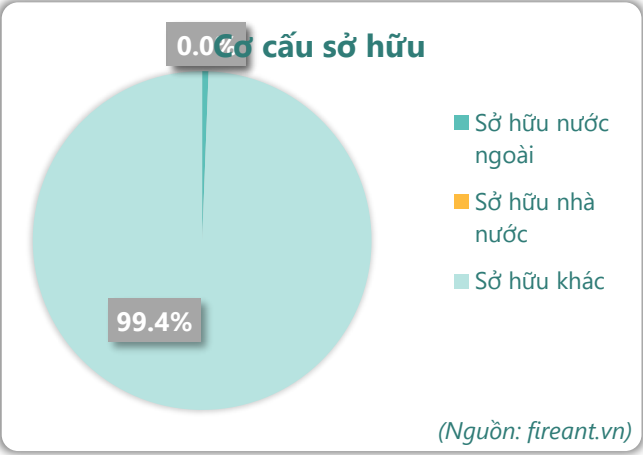
LN thuần Q4/25	1.46	tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.9 -90.5%		
YoY: ▼71.9 -98.0%		

LN sau thuế Q4/25	5.63	tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.97 -46.9%		
YoY: ▼62.8 -91.8%		

Tỷ suất lãi EBIT 2025	404%
YoY: +/-▲ 337%	

ROE 2025	33.7%
YoY: +/-▲ 25.8%	

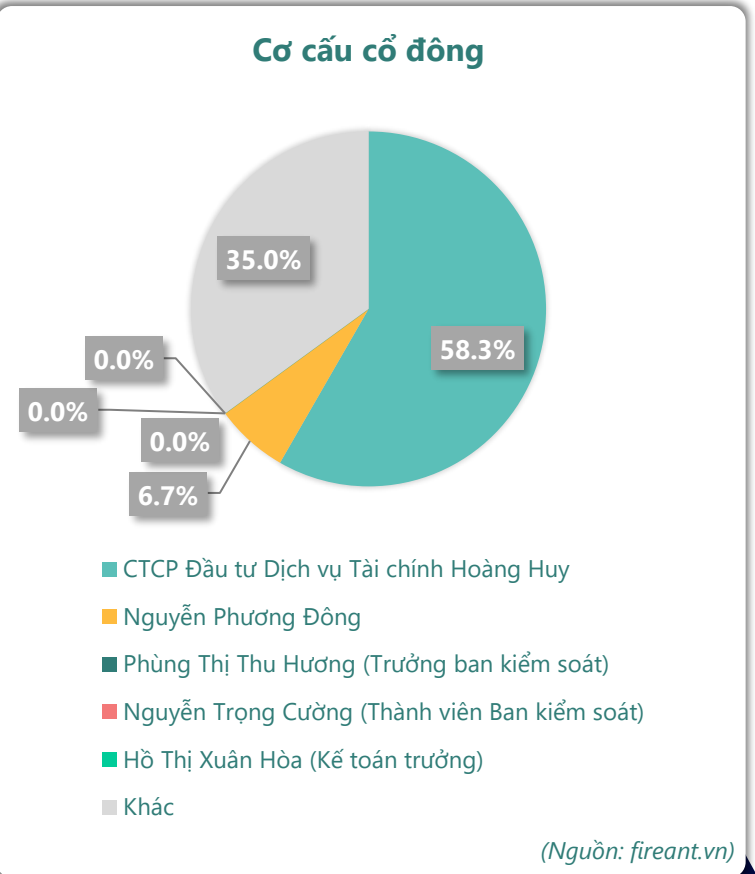
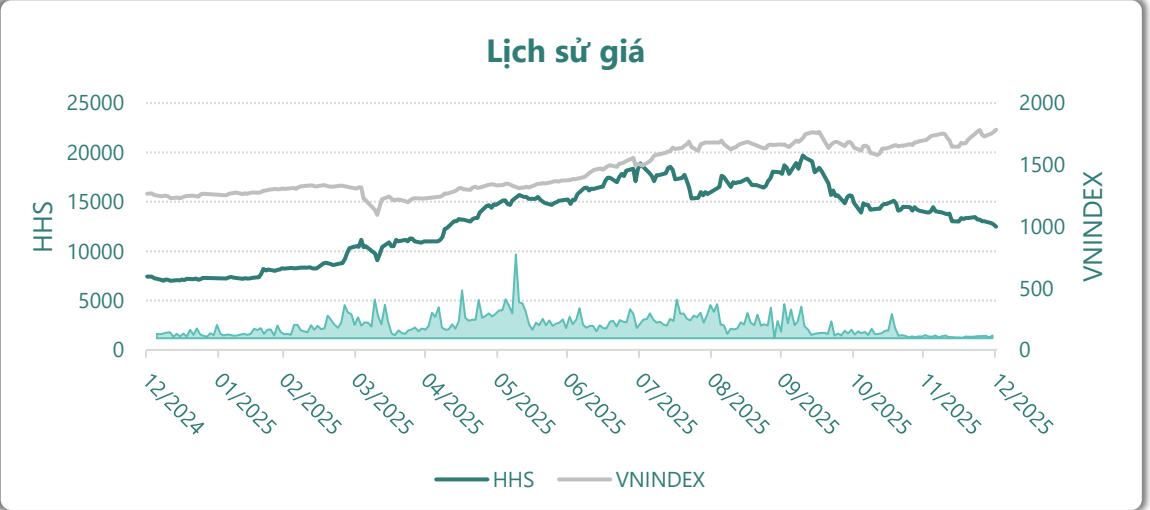
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,000 - 19,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,400
Số lượng CPLH (CP)	431,985,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,000,660
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	1.19
EPS	8,325
P/E	1.5



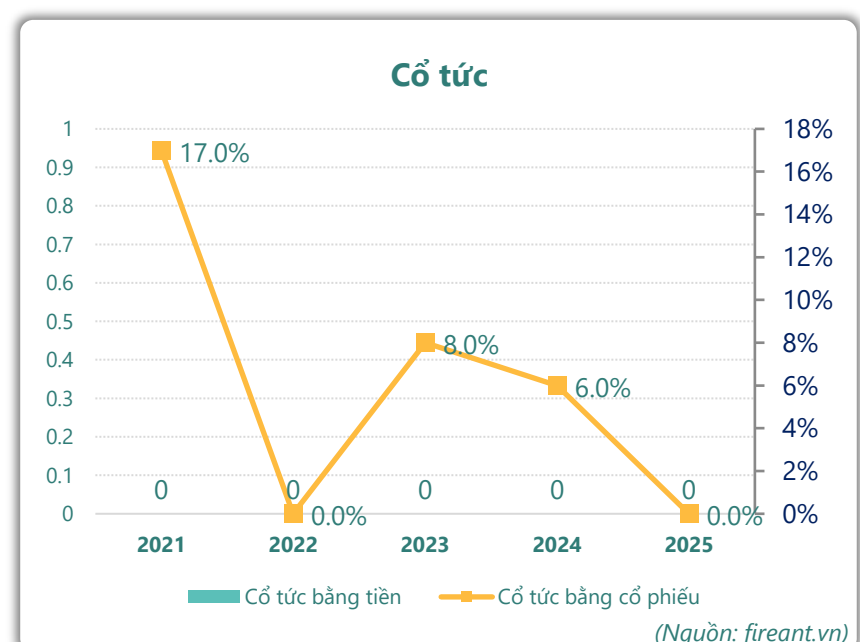
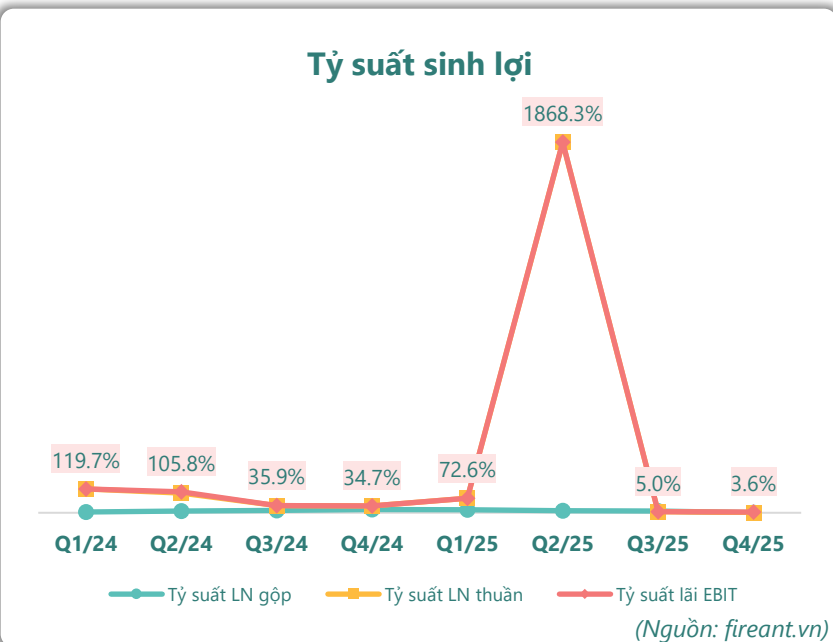
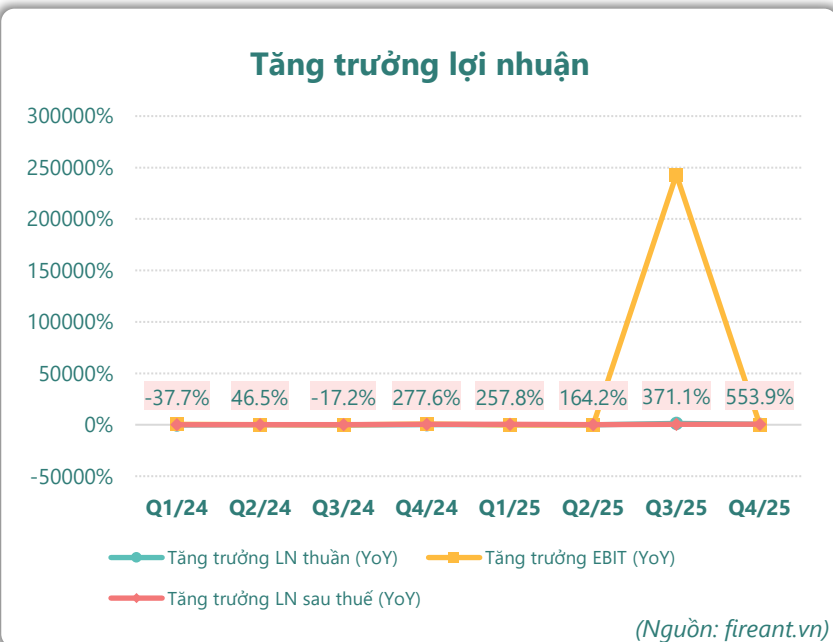
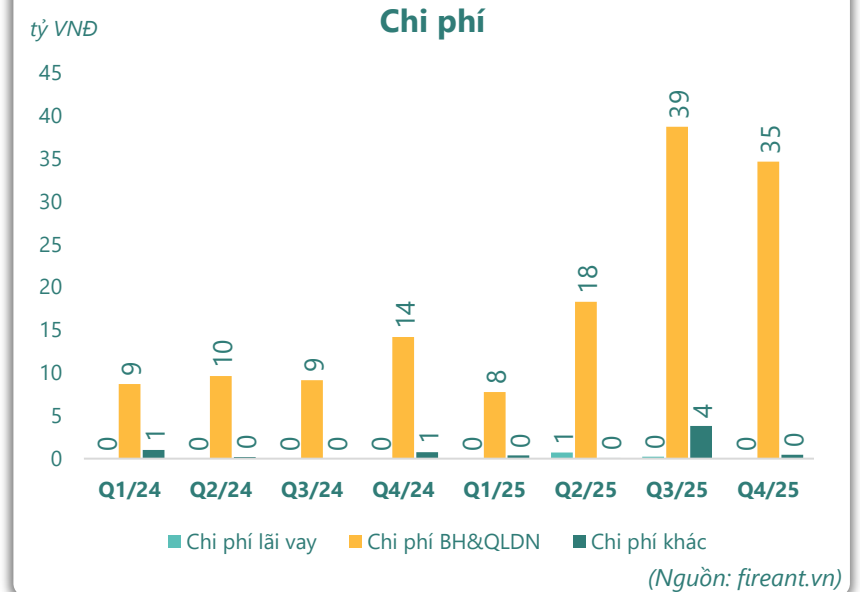
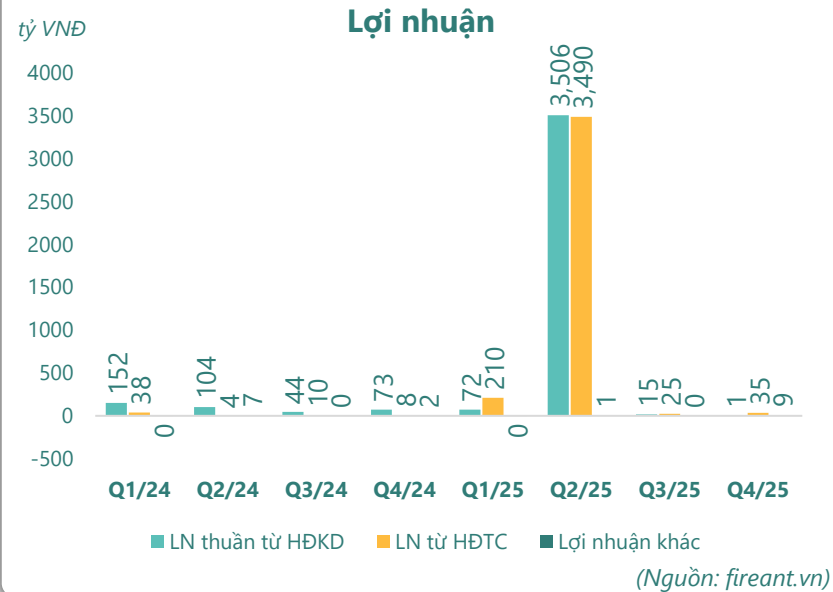
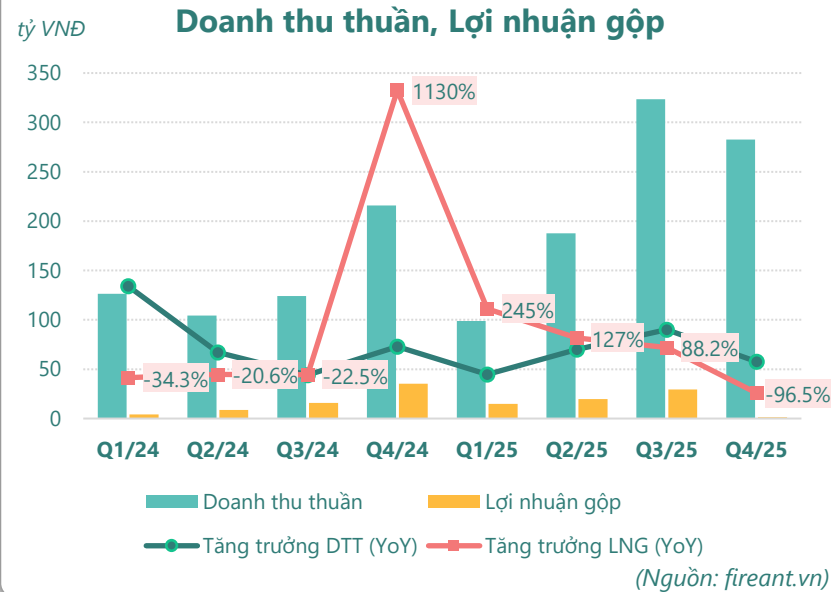
DT thuần 2025	893	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 322 56.3%		

LN thuần 2025	3,595	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,222 863%		

LN sau thuế 2025	3,588	tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,219 873%		



KẾT QUẢ KINH DOANH

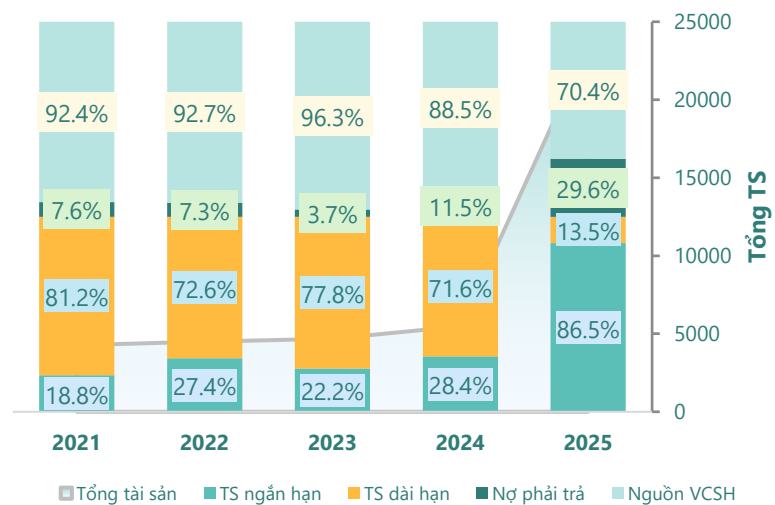




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

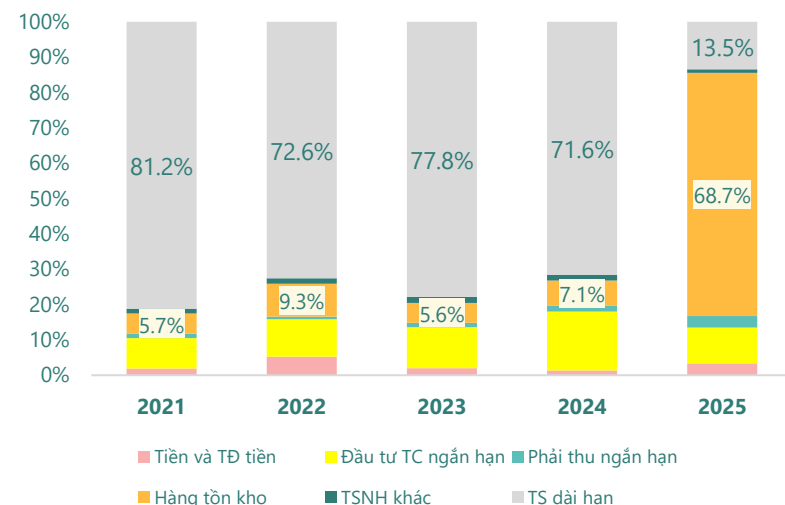
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

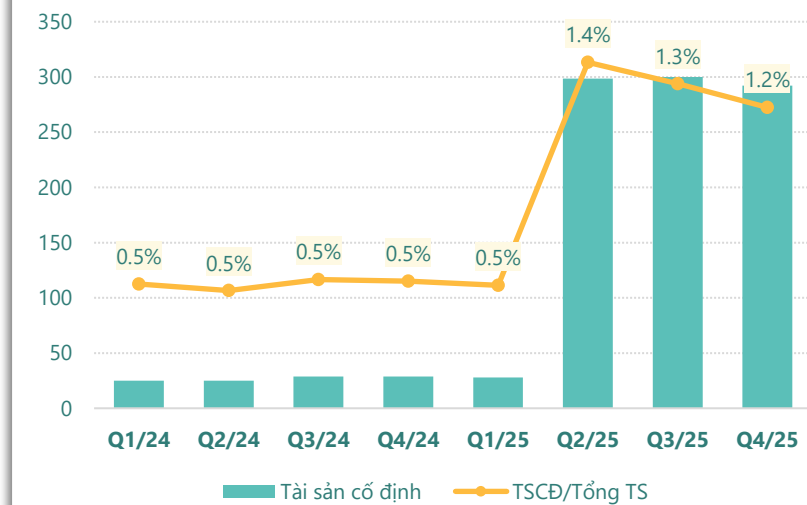
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

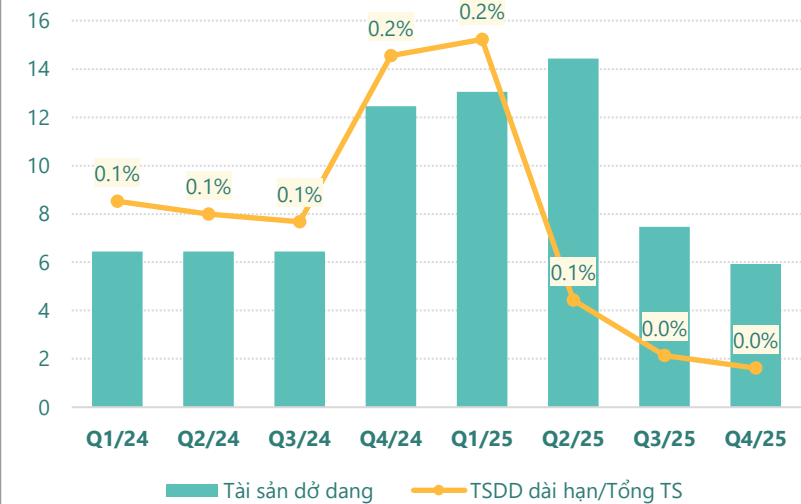
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

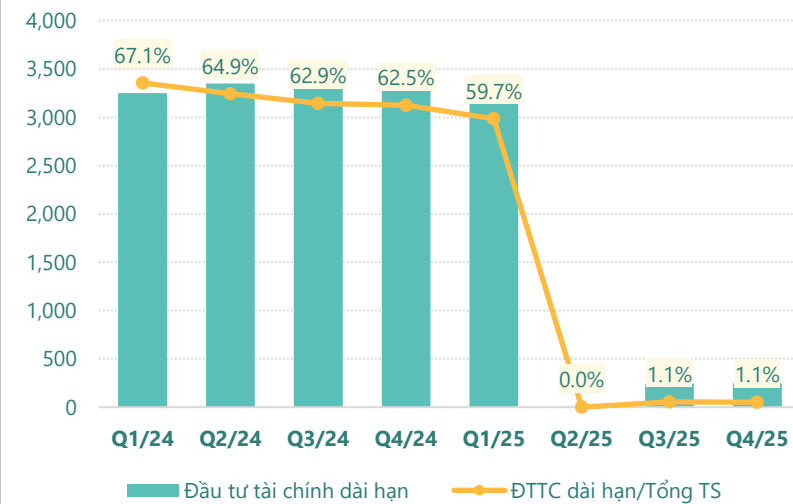
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

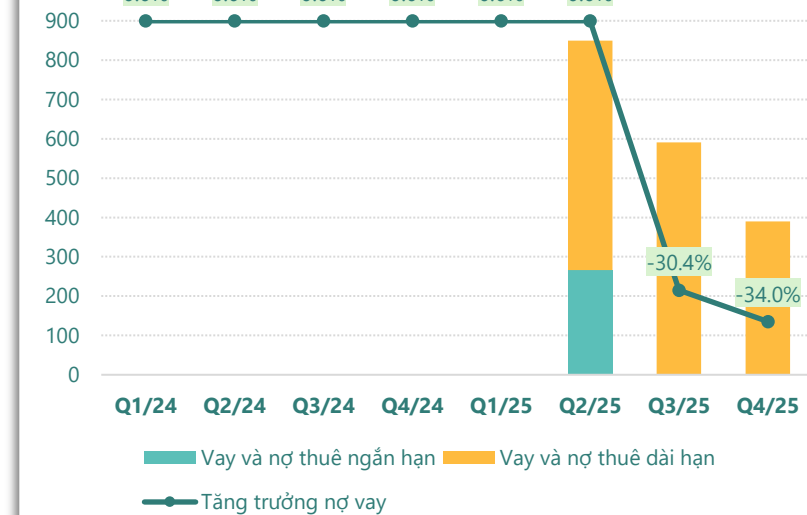
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

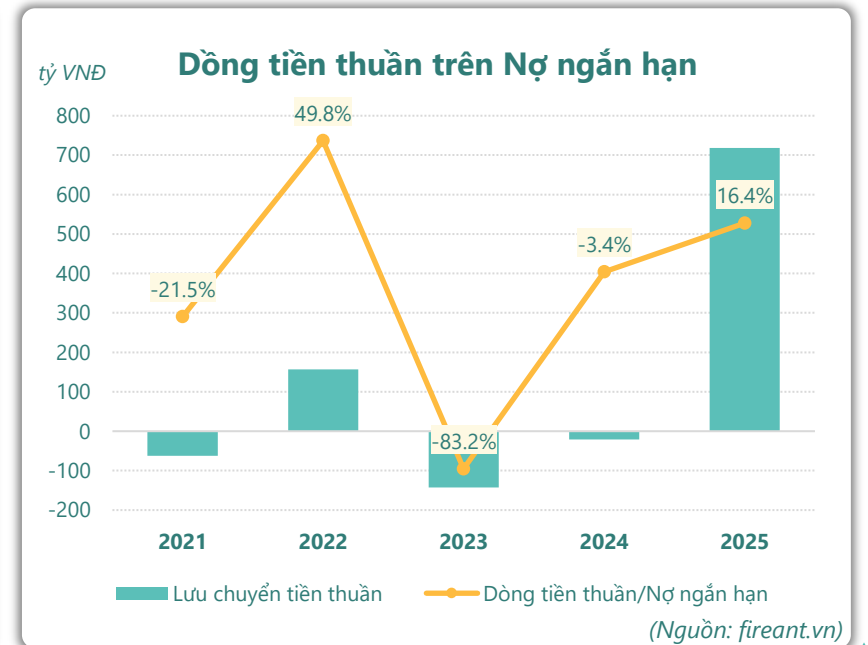
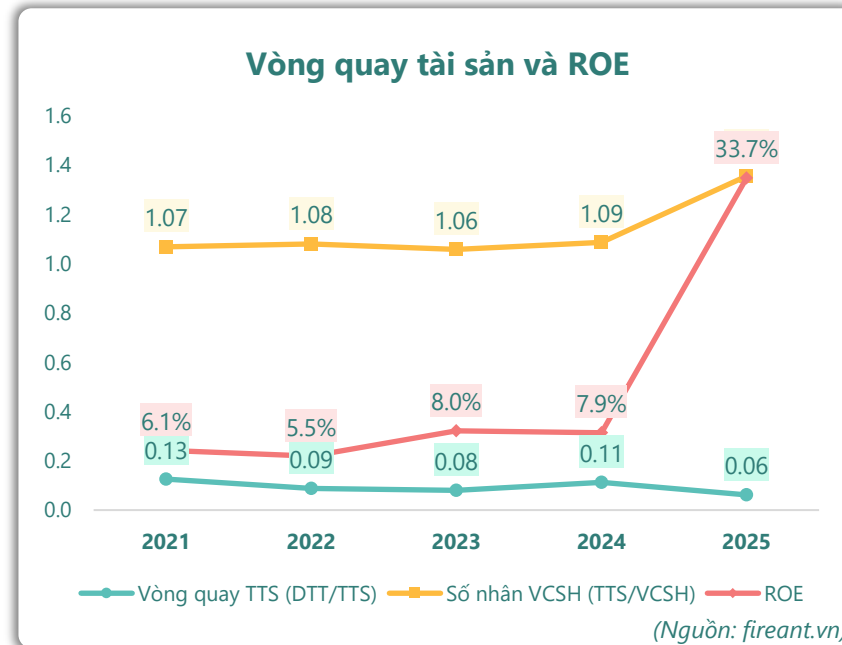
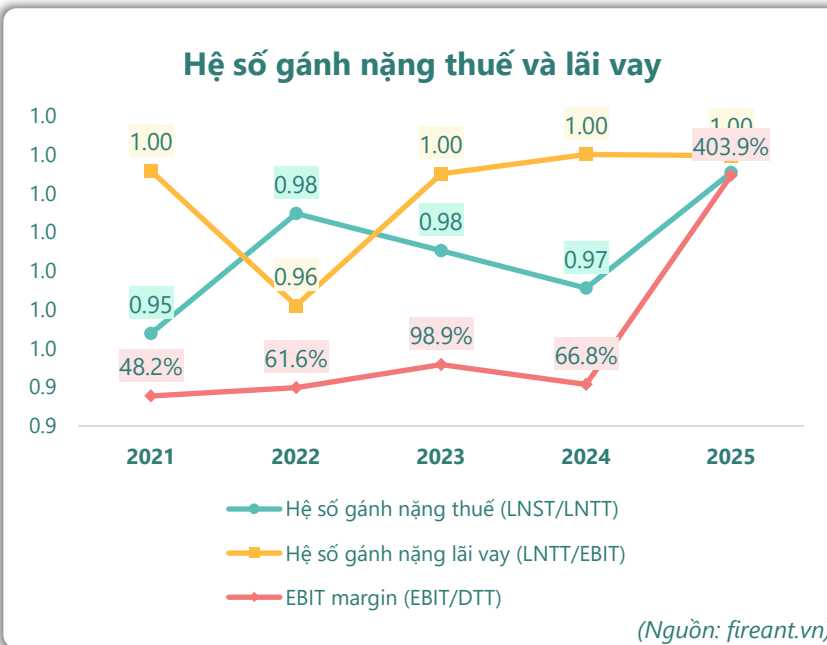
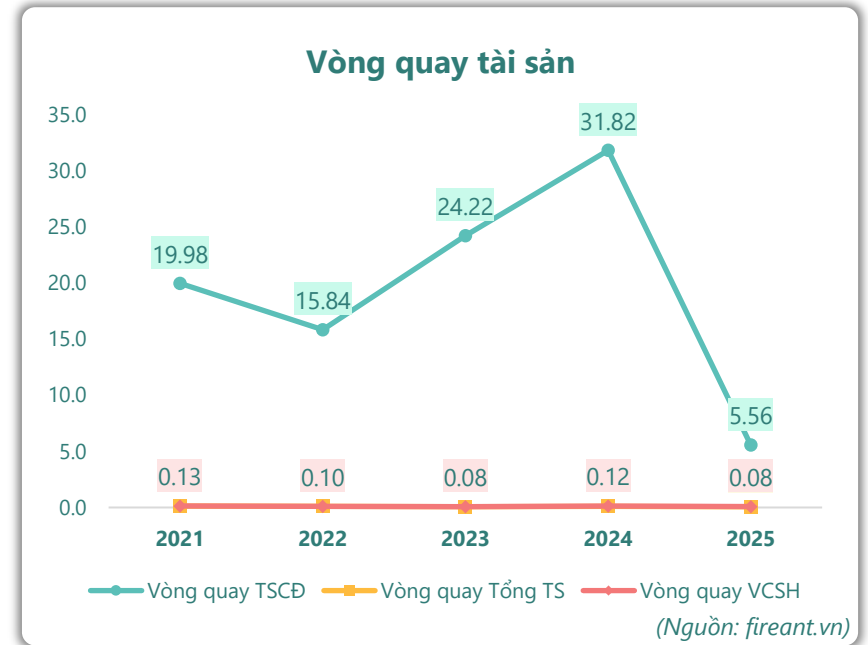
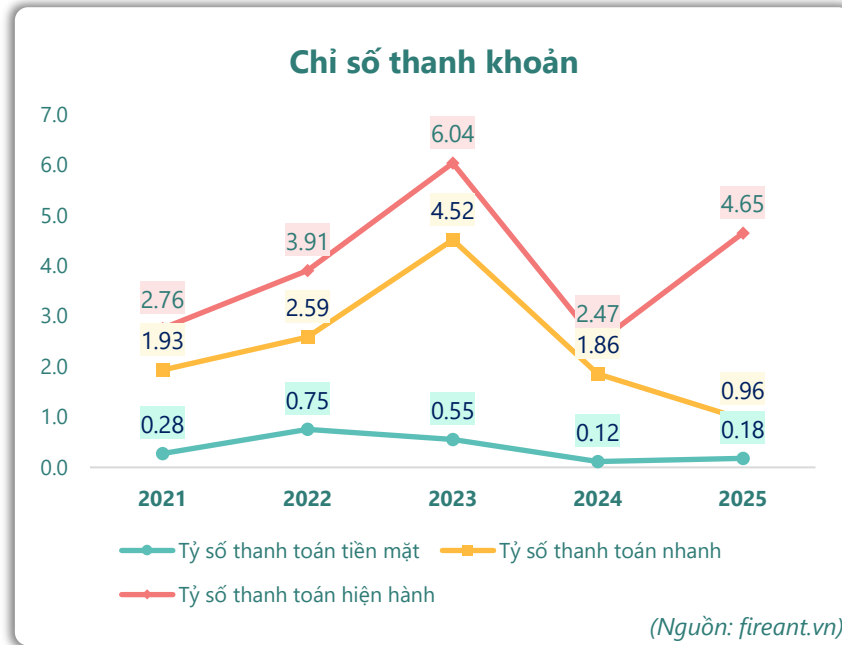
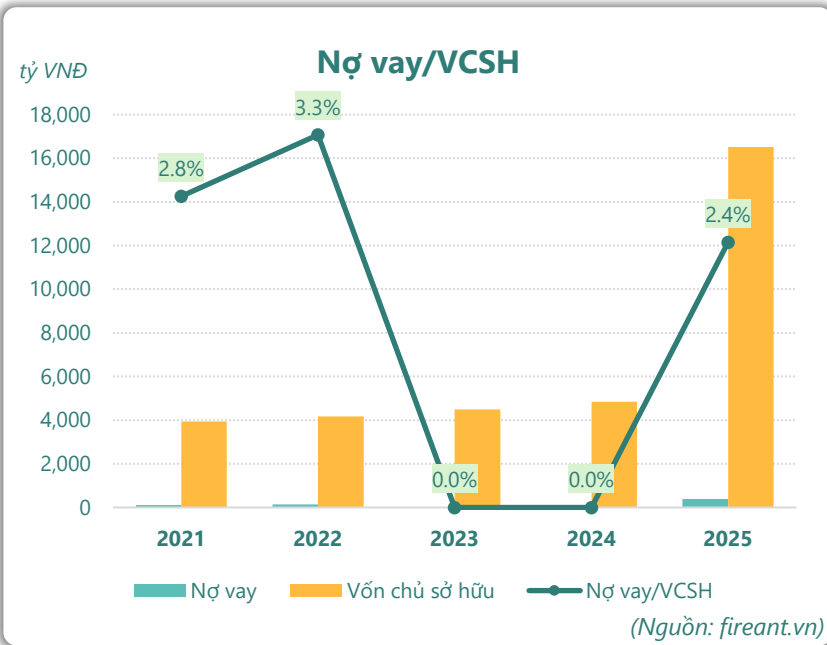
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	283	216	30.9%	893	571	56.3%
Giá vốn hàng bán	281	181	55.5%	827	507	63.1%
Lợi nhuận gộp	1.25	35.3	-96.5%	65.3	63.9	2.1%
Doanh thu HĐTC	36.7	12.3	198%	3,773	68.5	5410%
Chi phí TC	1.79	4.38	-59.2%	14.4	9.11	57.7%
Chi phí lãi vay	0.02	0.00		0.96	0	
LN trong công ty LKLD	0	44.4	-100%	-130	292	-145%
Chi phí bán hàng	26.9	12.0	124%	67.9	31.7	114%
Chi phí QLDN	7.72	2.15	259%	31.6	9.92	218%
LN thuần từ HĐKD	1.46	73.4	-98.0%	3,595	373	863%
Lợi nhuận khác	8.68	1.63	432%	10.1	8.40	20.8%
LN trước thuế	10.1	75.1	-86.5%	3,605	382	844%
Lợi nhuận sau thuế	5.63	68.4	-91.8%	3,588	369	873%
LNST của CĐ cty mẹ	4.51	68.3	-93.4%	3,596	367	879%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	59.0	132	-23.0	-311	1,607	714
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-44.5	-123	274	139	-1,481	-344
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	800	-456	-201
Tiền đầu kỳ	49.2	63.7	73.0	324	952	621
Lưu chuyển tiền thuần	14.5	9.94	251	628	-331	170
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.63	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	63.7	73.0	324	952	621	791

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	23,460	5,477	328%
Tài sản ngắn hạn	20,296	1,555	1205%
Tiền và tương đương tiền	791	73.0	984%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,366	914	159%
Phải thu ngắn hạn	780	93.6	734%
Hàng tồn kho	16,124	386	4073%
Tài sản ngắn hạn khác	235	87.9	167%
Tài sản dài hạn	3,165	3,922	-19.3%
Phải thu dài hạn	0	0.12	-100%
Tài sản cố định	292	28.8	915%
Bất động sản đầu tư	2,572	454	467%
Tài sản dở dang	5.93	12.5	-52.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	248	3,421	-92.7%
Tài sản dài hạn khác	46.6	6.27	643%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,950	630	1002%
Nợ ngắn hạn	4,366	629	594%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	519	497	4.4%
Nợ dài hạn	2,583	1.56	165648%
Vay và nợ thuê dài hạn	390	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	16,511	4,846	241%
Vốn chủ sở hữu	16,511	4,846	241%
Vốn điều lệ	4,320	3,680	17.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

